

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DS - ST
Ngày: 10/02/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số 961/2024/TLST-DS ngày 18/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1036/2024/QĐST-DS ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6/2024/QĐST-DS ngày 13/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng công ty D; trụ sở: Đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trang Thụy T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp B, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/04/2022, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Điện lực Bình Chánh (sau đây gọi tắt là “*Công ty Điện lực Bình Chánh*”) đã ký Hợp đồng mua bán điện số 22/005982 với ông Phan Thanh H, địa chỉ thường trú: xã A, huyện B, Tỉnh Bến Tre, địa chỉ sử dụng điện: ấp B, xã A, huyện B, Tp.HCM, mã khách hàng: PE15000381591.

Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Điện lực Bình Chánh đã cung cấp điện cho ông Phan Thanh H theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 01/11/2023 đến ngày 31/12/2023, ông Phan Thanh H đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền ông Phan Thanh H, nợ Tổng công ty

D là 2.297.020 đồng (Hai triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi đồng), cụ thể như sau:

- Giấy báo tiền điện tháng 11/2023 (sử dụng điện từ ngày 01/11/2023 đến 30/11/2023 số tiền là 2.151.129 đồng.

- Giấy báo tiền điện tháng 12/2023 (sử dụng điện từ ngày 01/12/2023 đến 31/12/2023 số tiền là 145.891 đồng

Tại Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 có quy định: *“Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện”*. Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: *“Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán”*.

Theo Khoản 5 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau: *Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu”*.

Tôi đại diện Tổng công ty D kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện B buộc ông Phan Thanh H, thanh toán với tổng số tiền là 2.297.020 đồng (Hai triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi đồng), yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Phan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn Tổng Công ty D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty D, về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tổng công ty D khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn là ông Phan Thanh H phải trả số tiền chưa thanh toán phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể là “Hợp đồng mua bán điện” được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 22 Luật Điện lực năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2012. Theo Hợp đồng mua bán điện mà hai bên đã giao kết thì nơi thực hiện hợp đồng tại huyện B, Thành phố Hồ

Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2014/TTBCT ngày 18/6/2014 của Bộ Công thương.

[6] Theo các Giấy báo tiền điện tháng 11/2023 và Giấy báo tiền điện tháng 12/2023 thì tổng số tiền điện mà bị đơn đã sử dụng theo hợp đồng trên là 2.297.020 đồng, cụ thể: Giấy báo tiền điện tháng 11/2023 (sử dụng điện từ ngày 01/11/2023 đến 30/11/2023 số tiền là 2.151.129 đồng; Giấy báo tiền điện tháng 12/2023 (sử dụng điện từ ngày 01/12/2023 đến 31/12/2023 số tiền là 145.891 đồng và Tổng công ty D đã thông báo thanh toán cho bị đơn.

[7] Theo sự thỏa thuận của các đương sự tại Hợp đồng mua bán điện thì thời hạn thanh toán tiền điện là 05 (năm) ngày kể từ ngày Tổng công ty D thông báo thanh toán. Quá thời hạn Tổng công ty D thông báo thanh toán, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền điện nêu trên. Do đó, có cơ sở xác định ông Phan Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền điện của các Kỳ hóa đơn tháng 11/2023 và Kỳ hóa đơn tháng 12/2023.

[8] Như vậy, Tổng công ty D yêu cầu buộc ông Phan Thanh H phải trả số tiền điện chưa thanh toán của các Kỳ hóa đơn tháng 11/2023 và Kỳ hóa đơn tháng 12/2023.

[9] Tổng số tiền chậm thanh toán là: 2.297.020 đồng đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 23, điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004, đã được sửa đổi bổ sung năm 2012;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty D.

- Buộc ông Phan Thanh H phải thanh toán số tiền 2.297.020 đồng cho Tổng Công ty D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Ông Phan Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 51264 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty D.

3. Về quyền kháng cáo: Tổng Công ty D và ông Phan Thanh H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện B, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Dũng